

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12-5-2022
v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Du

Ông Trần Đức Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:
Bà Trần Lê Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 317/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị Kim A, sinh năm: 1984 (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Châu T, sinh năm: 1974 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 05 đường P, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2021, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lý Thị Kim A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Châu T tự nguyện kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 118, quyển số 01, đăng ký ngày 07/11/2006). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: Số 05 đường P, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nhưng trầm trọng nhất là từ năm 2020 đến nay. Nguyên nhân là do mâu thuẫn về kinh tế vì ông T không muốn đi làm, mọi chuyện trong nhà đều do bà lo liệu. Ngoài ra, ông T không tôn trọng bà và gia đình bà, nhiều lần nhục mạ và xúc phạm bà. Đỉnh điểm mâu thuẫn là khi xảy ra dịch bệnh, bà không đi làm nên không có thu nhập, ông T luôn chì chiết, nhục mạ bà. Bà xác định mâu

thuần giữa vợ chồng không khắc phục được, vợ chồng không còn tình cảm nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Châu T.

Về con chung: Bà A xác định vợ chồng có 02 con chung là Châu T1, sinh ngày: 22/02/2007 và Châu T2, sinh ngày 28/4/2009. Ly hôn, bà A yêu cầu giao cháu Châu T1 cho ông Châu T trực tiếp nuôi dưỡng và bà trực tiếp nuôi dưỡng cháu Châu T2. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà A xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà A xác định vợ chồng không có.

* *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Châu T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lý Thị Kim A tự nguyện kết hôn tự nguyện kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 118, quyển số 01, đăng ký ngày 07/11/2006). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: Số 05 đường P, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Bà A khởi kiện ly hôn với ông thì ông không đồng ý vì ông còn thương yêu vợ con.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung là: Châu T1, sinh ngày: 22/02/2007 và Châu T2, sinh ngày 28/4/2009. Trường hợp ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Châu T2 và giao cháu Châu T1 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Châu T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Châu T xác định vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

* *Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lý Thị Kim A đối với ông Châu T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Châu T1, sinh ngày: 22/02/2007 cho ông Châu T trực tiếp nuôi dưỡng và bà trực tiếp nuôi dưỡng cháu Châu T2, sinh ngày 28/4/2009. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không ai yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi

Về tài sản chung: Bà Lý Thị Kim A xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà Lý Thị Kim A xác định vợ chồng không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Lý Thị Kim A phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2021 thì nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn để xin ly hôn và nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung không có. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Châu T có địa chỉ tại: Số 05 đường P, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lý Thị Kim A và ông Châu T tự nguyện kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118, quyền số 01, đăng ký ngày 07/11/2006. Do đó, hôn nhân giữa ông Châu T và bà Lý Thị Kim A là hợp pháp, được nhà nước công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu ly hôn của bà Lý Thị Kim A, HĐXX nhận thấy: Sau khoảng thời gian sống chung, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mâu thuẫn về kinh tế, ông T không có trách nhiệm với gia đình. Bà A cũng chịu đựng và nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T không thay đổi. Do đó, vào năm 2010, bà đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ yêu cầu ly hôn đối với ông T. Sau đó, bà và ông T thống nhất đoàn tụ để về chung sống lại với nhau. Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ đã công nhận đoàn tụ thành theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 78/2010/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2010. Tuy nhiên, ông Thanh vẫn không thay đổi, nhiều lần xúc phạm và không tôn trọng bà A, mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không khắc phục được nên bà A tiếp tục nộp lại đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T. Đồng thời, theo xác minh nơi cư trú của vợ chồng ông T và bà A thể hiện vợ chồng có mâu thuẫn, cãi vã nhau. Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa bà Lý Thị Kim A và ông Châu T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Lý Thị Kim A được ly hôn với ông Châu T.

[2.2] Về con chung:

[2.2.1] Bà Lý Thị Kim A xác định vợ chồng có 02 con chung là Châu T1,

sinh ngày: 22/02/2007 và Châu T2, sinh ngày 28/4/2009. Xét yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của nguyên đơn, HĐXX nhận thấy: Bà A yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Châu T2 và giao cháu Châu T1 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa, ông T trình bày trường hợp ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Châu T2 và giao cháu Châu T1 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Tại Bản xin trình bày của cháu Châu T1 và cháu Châu T2 thể hiện: Khi ba mẹ ly hôn thì cháu Tân có nguyện vọng ở với ông T và cháu Tiến có nguyện vọng ở với bà A. Vì vậy, HĐXX xét thấy việc giao cháu Châu T2 cho bà Lý Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Châu T1 cho ông Châu T trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý và đảm bảo quyền, lợi ích về mọi mặt cũng như phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu.

[2.2.2] Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con, bà A và ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, ông Châu T và bà Lý Thị Kim A đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Lý Thị Kim A xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà Lý Thị Kim A xác định vợ chồng không có nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án: HĐXX nhận thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng phù hợp với phân tích nêu trên nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Lý Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 28, 35, 39, 147, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Kim A đối với ông Châu T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lý Thị Kim A được ly hôn với ông Châu T (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 118, quyển số 01, đăng ký ngày 07/11/2006 tại UBND phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng).

2. Về con chung:

Giao con chung Châu T1, sinh ngày: 22/02/2007 cho ông Châu T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Châu T2, sinh ngày 28/4/2009 cho bà Lý Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Lý Thị Kim A xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Lý Thị Kim A xác định không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lý Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001627 ngày 26/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Bà Lý Thị Kim A đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Khuê Trung;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Ngô Thị Thanh Tuyền